

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/02/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RC6	7:25	17+5	0+0		9+6	0+0	
2		RC5+RP1	7:25	12+10	0+0		5+12	0+0	
3		RP2+RP3	7:25	1+2+19	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		PPD	7:25	22	0		16	0	
5		P4+TTC2+GTCl	9:25	22+0+0	0+0+0		9+0+0	0+0+0	CHUYEN 4 TTC2-GTCl
6		PVD1+ P6	9:25	21+1	0+0		13+2	0+0	
7		CTK3+VSP01+VSP02	9:25	4+1+17	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
8		RCDM+VSP02	9:25	7+15	0+0		4+8	0+0	
9		RP3+P2+P10	11:25	11+0+11	0+0+0		6+1+2	0+0+0	CHUYEN 3 RC5- P2
10		RP3+RC4+P8	11:25	22+0+0	0+0+0		17+1+0	0+0+0	CHUYEN 3 RC4- P8
11		P1+P4+P6	11:25	9+2+5	0+0+0		0+0+0	0+0+0	
12		TD3+RP1	11:25	3+18	0+0		0+12	0+0	

13.
TTDBSX Cti + P6 . (Chợ F0 2 giờ)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	TO: RC4 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - XHOÀN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC DŨNG	RC4	69	1	8		80	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỌ	RC4	67	1	6		98	D-HANH	Vietnamese
3	ĐỖ HIỆP PHÚ	RC4	68	1	10		55	ANTOAN	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN TÙNG	RC4	65	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU TIẾN BÌNH	RC4	64	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RC4	66	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRẠI	RC4	47-48	2	18	22	70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUẤN	RC4	51-52	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RC4	53-54	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC MINH	RC4	55	1	10	63	65	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RC4	62-63	2	15		75	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỘC	RC4	45-46	2	13		60	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LANG	RC4	43-44	2	20		67	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	36	1	9		62	PSV	Vietnamese
15	TRẦN MINH THI	RC6	92	1	10		107	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	90	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN TRƯỞNG	RC6	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	91	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	14	20	164	991	105	9		
2	RC6	4	4	27	332	50	6		
TOTAL		18	24	191	1.323	155	15		
WEIGHT KG				191	1.323	155			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC5 - RP1	CREW: CHIẾN - Nam - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUỐC VIỆT	RC5	97	1	5	35	77	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH LIÊM	RC5	98	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TRUNG	RC5	96	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH CÔNG	RC5	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC5	94-95	2	19		69	KH-THAC	Vietnamese
6	KURPASOV V. A.	RC5	91	1	7		75	KH-THAC	Russian
7	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	92	1	7		71	PSV	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN TRUNG	RP1	12	1	10	10	71	YTE	Vietnamese
9	TSOPANOV ALAN	RP1	13	1	10		100	KH-THAC	Russian
10	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	18-19	2	13		81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	16	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH HIẾU	RP1	14	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	47	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BÁC HÀ	RP1	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG THE ANH	RP1	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	KOROGHLUYEV RAMIL	RP1	50-52	3	20		79	KH-THAC	Russian
17	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	17	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANH	RP1	53	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	8	62	507	35	5		
2	RP1	11	14	105	827	10	12		
TOTAL		18	22	167	1.334	45	17		
WEIGHT KG				167	1.334	45			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH DUNG	RP2	53	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RP2	52	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN SON	RP3	83	1	8	40	65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI ANH SON	RP3	78	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	81-82	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN ANH	RP3	79	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN THUONG	RP3	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HIEN	RP3	87	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CHINH THI	RP3	77	1	5		75	KHI	Vietnamese
10	LE HOANG ANH	RP3	86	1	7		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG NAM	RP3	71	1	7		80	KHI	Vietnamese
12	VU MANH CUONG	RP3	84	1	10		71	KHI	Vietnamese
13	LE DUC VIET	RP3	85	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	BUI VAN PHU	RP3	69	1	3		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HA	RP3	68	1	5		85	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	70	1	8		80	KHI	Vietnamese
17	TRINH QUANG HUY	RP3					72	KHI	Vietnamese
18	LE NHU NGUYEN	RP3	75-76	2	11		62	KHI	Vietnamese
19	DUONG HONG QUAN	RP3	72	1	7		72	KHI	Vietnamese
20	TRAN VAN MINH	RP3	73	1	5		85	YTE	Vietnamese
21	PHAM QUANG TRUNG	RP3	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	2	20	165	0	1		
2	RP3	19	20	117	1.371	40	21		
TOTAL		21	22	137	1.536	40	22		
WEIGHT KG				137	1.536	40			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: PPD	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TAI	PPD	50	1	12		72	KHI	Vietnamese
2	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	60	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	ĐINH THÈ QUÂN	PPD	44	1	4		68	KHI	Vietnamese
4	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	64	1	4		56	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	62	1	4		75	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	45	1	6		66	KHI	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC QUY	PPD	56	1	6		73	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	63	1	4		86	KHI	Vietnamese
9	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	46	1	3		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	57	1	6		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	61	1	5	40	58	KHI	Vietnamese
12	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	53	1	7		62	KHI	Vietnamese
13	LÊ HUY VINH	PPD	47	1	6		63	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY TRƯỞNG	PPD	51-52	2	4		67	KHI	Vietnamese
15	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	49	1	10		91	KHI	Vietnamese
16	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	54-55	2	10		73	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	300	1	9		85	KHI	Vietnamese
18	HÀ THÈ BẢO	PPD	58	1	8		80	KHI	Vietnamese
19	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	48	1	7		61	KHI	Vietnamese
20	DƯƠNG TRƯỞNG LAM	PPD	43	1	6		70	KHI	Vietnamese
21	PHAN ANH SANG	PPD	39-42	4	18		51	KHI	Vietnamese
22	LÊ HỮU TÂN	PPD	59	1	4	3	69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	148	1.520	43	16		
TOTAL		22	27	148	1.520	43	16		
WEIGHT KG				148	1.520	43			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2022	TO: P4 - TTC2 - GTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - XHOÀN - DTùng	ETA: 11:20
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG THANH GIÁP	P4	80	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	LÊ MINH HIẾU	P4	77	1	13		74	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	67	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	75	1	7		55	KHI	Vietnamese
5	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	81	1	15		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	63-64	2	6		73	KHI	Vietnamese
7	TRINH XUÂN HUYỀN	P4	70	1	5		75	KHI	Vietnamese
8	HOANG VĂN HÙNG	P4					75	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	76	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	TẠ VĂN QUYNH	P4	83	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	HOANG TRỌNG TÂN	P4	78	1	8		79	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ANH	P4	59	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	79	1	7		68	KHI	Vietnamese
14	LÊ TRUNG LÂM	P4	72	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	LÊ HUY CHUÔNG	P4	82	1	10		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	62	1	5		83	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THỌ	P4	60-61	2	14		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NGHIỆM	P4	68-69	2	13		57	KHI	Vietnamese
19	TRẦN BA THƯƠNG	P4	66-65	2	10		60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU NAM	P4	73-74	2	10		67	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN SY	P4	71	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN CAO CUÔNG	P4	84-85	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	27	184	1.526	0	9		CHUYEN 4 TTC2 - GTC1
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	4	
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	27	184	1.526	0	9		
WEIGHT KG				184	1.526	0			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	TO: PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Nam - THỤ	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HONG SON	PVD1	07	1	13		65	CNTT	Vietnamese
2	NGO VAN CUONG	PVD1	09	1	17		67	PVDWS	Vietnamese
3	ĐINH QUANG HUY	PVD1	08	1	14		62	PVDWS	Vietnamese
4	ĐOÀI DUY DUONG	PVD1	20	1	8		70	PVD	Vietnamese
5	NGUYEN VAN ĐAI	PVD1	16	1	12		65	PVD	Vietnamese
6	VÔ XUÂN QUANG	PVD1	23	1	6		62	PVD	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUNG	PVD1	17	1	9		55	PVD	Vietnamese
8	BUI ANH ĐỨC	PVD1	10	1	15		67	PVD	Vietnamese
9	ĐO VĂN BIÊN	PVD1	14	1	9		74	PVD	Vietnamese
10	LE NGOC HUNG	PVD1	15	1	5		75	PVD	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NINH	PVD1	24	1	9		65	PVD	Vietnamese
12	VU ĐỨC CANH	PVD1	18-19	2	15		80	PVD	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	PVD1	03,56	2	20		82	DVL	Vietnamese
14	ĐO NGOC DUYEN	PVD1	05	1	11		75	DVL	Vietnamese
15	PHAN VINH TRUONG	PVD1	06	1	11		70	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN CHI LINH	PVD1	04	1	10		83	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN VINH	PVD1	11-13	3	18		87	DVL	Vietnamese
18	VU HUY TOA	PVD1	21-22	2	20		70	BAKER HUC	Vietnamese
19	ĐẶNG MINH SƠN	PVD1	25,01	2	17		71	BAKER HUC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	19	25	239	1.345	0	13		
TOTAL		19	25	239	1.345	0	13		
WEIGHT KG				239	1.345	0			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - VSP01 - VSP02	CREW: HUNG - NPhú - Toan	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HA	CTK3	98	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU HOANG ANH	CTK3	95-96	2	10		96	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TÂN	CTK3	97	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	CTK3	99,500	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP01	65	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN THOẠI	VSP02				50	74	YTE	Vietnamese
7	EDUARD YANDYAN	VSP02	10-11	2	15		84	KH-THAC	Russian
8	SERGIENKO SERGEY	VSP02	19	1	5		76	KH-THAC	Russian
9	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	06	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	14	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NGOC ĐỒNG	VSP02	15-16	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	05	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	719	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO ĐỨC TRI	VSP02	20-21	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	17	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	18	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO ĐỨC CHU	VSP02	70	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	13	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	6	38	315	0	1		
2	VSP01	1	1	11	67	0	0		
3	VSP02	15	17	115	1.110	50	18		
TOTAL		20	24	164	1.492	50	19		
WEIGHT KG				164	1.492	50			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	TO: RCDM - VSP02	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHài - ĐỨC - dũng	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	45-46	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	49	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ ĐẠC TOÀN	RCDM	48	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG VĂN BA	RCDM	51-52	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN BÁC	RCDM	47	1	7	35	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LUƠNG	RCDM	53	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ TRỌNG BĂNG	RCDM	50	1	6		78	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	17	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	01	1	2		80	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	VSP02	18	1	10		75	PSV	Vietnamese
11	HÀN VĂN HIỆU	VSP02	19	1	5		75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	02	1	3		68	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN CHI	VSP02	16	1	3		60	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG TỬ	VSP02	03	1	7		74	DUY LINH	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC TRUNG	VSP02	04	1	13	15	67	DUY LINH	Vietnamese
16	HUYNH THANH TOÀN	VSP02	09-10	2	12		73	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG TÂM	VSP02	08	1	6		77	DUY LINH	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LINH	VSP02	05-06	2	10		70	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LỢI	VSP02	14-15	2	10		63	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HAI	VSP02	12-13	2	10		75	DUY LINH	Vietnamese
21	LÊ NGỌC TRUNG	VSP02	11	1	6	20	87	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	7	9	61	517	35	4		
2	VSP02	14	18	100	1.023	35	8		
TOTAL		21	27	161	1.540	70	12		
WEIGHT KG				161	1.540	70			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: RP3 - P2 - P10	CREW: Hạnh - VLinH - HIẾU	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	91	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TÂN CHÂU	RP3	96	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HUY	RP3	95	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LUÔNG QUANG THƯỜNG	RP3	98	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THẮNG	RP3	97	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN HÒA	RP3	93	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	99,46	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	67	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG XUAN HUNG	RP3	92	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC OANH	RP3	90	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAC ĐỨC HUY	P2	12	1	5	50	71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	14	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NGỌC DŨNG	P2	13	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	02	1	11		55	KH-THAC	Vietnamese
16	VU PHUONG HUONG	P10	62	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUANG LOI	P10	65	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	12	72	800	0	6		
2	P2	4	4	30	266	50	2		
3	P10	2	2	15	146	0	0		
TOTAL		17	18	117	1.212	50	8		
WEIGHT KG				117	1.212	50			

GRAND TOAL: 1.379 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	TO: RP3 - RC4 - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: QViệt - Mạnh - QTrưởng	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THANH LONG	RP3	02-03	2	11		91	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HAI	RP3	01	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
3	VU QUANG HUNG	RP3	20	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH CONG	RP3	10	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	LE XUAN HIEN	RP3	19	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	PHAM VAN THIET	RP3	17	1	6		64	KHI	Vietnamese
7	PHAM HONG QUAN	RP3	15-16	2	12		76	KHI	Vietnamese
8	PHAM HONG LINH	RP3	24	1	9		77	KHI	Vietnamese
9	TRAN VUONG HUNG	RP3	21	1	5		82	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN HUY HOANG	RP3	23	1	9		70	KHI	Vietnamese
11	DO VAN THUY	RP3	06	1	9		70	KHI	Vietnamese
12	LE DUAN	RP3	08	1	10		55	KHI	Vietnamese
13	LE BA CUONG	RP3	04	1	8		65	KHI	Vietnamese
14	TRAN VAN HOANG	RP3	07	1	8		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HA	RP3	09	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VY	RP3	13	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	18	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	TRAN THANH HAI	RP3	05	1	4		60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DUY CHINH	RP3	12	1	3		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN TRUONG	RP3	11	1	7		64	PSV	Vietnamese
21	LE THANH HAI	RP3	14	1	8		64	PSV	Vietnamese
22	DUONG VAN THU	RP3	22	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	157	1.554	0	17		CHUYEN 3 PAX RC4 SANG P8
2	RC4	0	0	0	0	40	1 + 3		
3	P8	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	157	1.554	40	18		
WEIGHT KG				157	1.554	40			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	TO: P1 - P4 - P6	CREW: LHai - ĐỨC - dũng	ETA: 13:45
CAM-3			

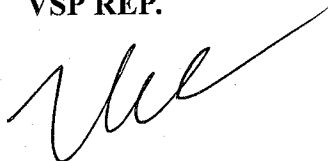
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DUY TIỀN	P1	77-79	3	20	30	72	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NHƯ SANG	P1	80-81	2	18	45	71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TUÂN	P1	90	1	12		73	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THẮNG LONG	P1	82-84	3	20		75	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	P1	91-92	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI CÔNG THANH	P1	85-87	3	20		84	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH NGỌC	P1	88-89	2	20		93	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	57-58	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ QUỐC VƯƠNG	P4	54-55	2	18	8	77	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DINH	P4	51-52	2	15	15	83	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ TỰ KHÁ	P4	49	1	15	17	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT LỘC	P4	46-48	3	17		61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THIN	P6	07,67	2	20	20	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

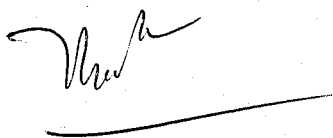
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	7	16	130	545	75	0		
2	P4	5	10	85	364	40	0		
3	P6	1	2	20	72	20	2		
TOTAL		13	28	235	981	135	2		
WEIGHT KG				235	981	135			

GRAND TOAL: 1.351 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	TO: TD3 - RP1	CREW: HUNG - NPhú - MQUÂN	ETA: 13:40
TIM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT HỒ	TD3	80	1	15	60	77	DVL	Vietnamese
2	LÊ VĂN THẮNG	TD3	79	1	18		74	DVL	Vietnamese
3	PHAN THANH TỊNH	TD3	81,83	2	15		70	DVL	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CỤC	RP1	82	1	12		81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THUY	RP1	78	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ BA TUÂN	RP1	85	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	86	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	79	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG HIỆU	RP1	88	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	77	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VĂN CẢNH	RP1	84	1	13		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH BẢNG	RP1	85	1	4		85	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP1	76	1	5		57	PSV	Vietnamese
14	VŨ XUÂN TIỀN	RP1	74	1	7		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY QUYỀN	RP1	80	1	7		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	81	1	6		66	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN THUẬN	RP1	87	1	5		86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	4	48	221	60	0 + 3		CHUYỂN 3 PAX TD3 SANG RP1
2	RP1	14	14	99	967	0	12		
TOTAL		17	18	147	1.188	60	12		
WEIGHT KG				147	1.188	60			

GRAND TOAL: 1.395 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 12:00
FLIGHT:	TO: CLI - P6	CREW: HHai - NKhanh	ETA: 13:30

ROUTE: VT - CLI - P6 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - CLI								
1	NIL					0	0	
2	TRANSFER 01 PAX FROM CLI TO P6					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	2	WT:	0	0
SECTOR 2 : VT - P6								
3	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	1+1	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL 1300 kgs (Plot)